

ĐIỂM NÀY CÓ G? SAI SÓT TH? LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI R? C Ụ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PH?NG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

TÊN MÔN HỌC:

M? MÔN H ỌC :

THỦY VĂN

HYD-391

HỌC KỲ

TÍNH CHỈ

LẦN THI

5

2

1

Ngày thi:

01/11/2012

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15			15		15			55	100			
1	152220373	ĐÀO THIÊN	KHÁNH	T16XDC	8			6		7.5			3	0.0	Khăng		
2	168212005	LÊ Y	H ỌC	T16XDC	7			5		4			2.5	0.0	Khăng		
3	168212048	ĐẶNG XUÂN	THU	T16XDC	9			6		6.8			2	0.0	Khăng		
4	168222064	TRẦN VĂN	ANH	T16XDC	7			2		1			3	0.0	Khăng		
5	168222066	HỒ TRẦN ANH	BẢO	T16XDC	9			4		4			4	4.8	Bấ ứ phá ỷ Tẩ		
6	168222067	NGUYỄN PHÚ	CHÂU	T16XDC	9			4		4.5			5.5	5.7	Nằ phá ỷ Bẩ		
7	168222068	BÙI ĐỨC	CHU	T16XDC	9			5.5		5.5			5	5.8	Nằ phá ỷ Tẩ		
8	168222070	PHAN Đ?NH	CÔNG	T16XDC	9			3		5.5			4	4.8	Bấ ứ phá ỷ Tẩ		
9	168222072	LÊ PHƯỚC	ĐẠT	T16XDC	4			4		2			2	0.0	Khăng		
10	168222073	TRẦN Đ?NH	ĐỨC	T16XDC	8			8.5		9			4	6.0	Sẩ		
11	168222074	TRẦN CÔNG	ĐỨC	T16XDC	6			2		6			3	0.0	Khăng		
12	168222075	TRẦN XUÂN	ĐỨC	T16XDC	10			4		8			4.5	5.8	Nằ phá ỷ Tẩ		
13	168222076	TRẦN NHẬT	GIANG	T16XDC	6			2		4			4.5	4.3	Bấ ứ phá ỷ Ba		
14	168222079	BÙI HỮU NHẬT	HẠNH	T16XDC	8			3		4			4.5	4.7	Bấ ứ phá ỷ Bẩ		
15	168222080	MAI VĂN	Hi ỆU	T16XDC	9			6		4.5			6	6.2	Sẩ phá ỷ Hai		
16	168222081	NGUYỄN VĂN	H?A	T16XDC	9			4		6.5			4.5	5.4	Nằ phá ỷ Bẩ		
17	168222082	NGUYỄN CẢNH	HOÀN	T16XDC	8			2		7			3	0.0	Khăng		
18	168222084	LÊ MINH	HÙNG	T16XDC	8			4		5			3	0.0	Khăng		
19	168222085	NGUYỄN THANH	KHA	T16XDC	7			3		3			2	0.0	Khăng		
20	168222087	TRẦN ĐẶNG	KHOA	T16XDC	10			6		6.5			4	5.6	Nằ phá ỷ Sẩ		
21	168222088	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	T16XDC	4			4		3.5			3.5	0.0	Khăng		
22	168222089	MAI HUỲNH TÂN	LÂM	T16XDC	8			7.5		6			5	6.0	Sẩ		
23	168222090	NGUYỄN QUANG	LIÊN	T16XDC	2			1		2			5	3.5	Ba phá ỷ Nằ		
24	168222092	THÁI BÁ	LINH	T16XDC	8			6		6.5			3	0.0	Khăng		
25	168222096	THÁI VĂN	LƯ?NG	T16XDC	7			6		7.5			4	5.3	Nằ phá ỷ Ba		
26	168222097	VŨ VĂN	MẶN	T16XDC	10			8		7			4	6.0	Sẩ		
27	168222098	NGUYỄN VĨNH	NAM	T16XDC	10			8.5		9			7	8.0	Tẩ		
28	168222099	DƯƠNG XUÂN	NGHIÊM	T16XDC	9			5		3			4	4.8	Bấ ứ phá ỷ Tẩ		
29	168222102	LÊ ĐỨC	PHÚ	T16XDC	10			7		7.5			5	6.4	Sẩ phá ỷ Bẩ		
30	168222107	TRẦN Đ?NH	SƠN	T16XDC	2			1		2			4	3.0	Ba		
31	168222108	LÊ	SỰ	T16XDC	10			8.5		8			6	7.3	Bẩ phá ỷ Ba		
32	168222109	TRẦN QUỐC	SỸ	T16XDC	10			6.5		6.5			6	6.8	Sẩ phá ỷ Tẩ		
33	168222110	ĐINH XUÂN	TÂM	T16XDC	8			4		3			4	4.5	Bấ ứ phá ỷ Nằ		
34	168222111	PHẠM HỮU	THÀNH	T16XDC	2			2		1			HP	0.0	Khăng		
35	168222116	NGUYỄN HOÀNG	THUYỀN	T16XDC	9			5.5		8			3	0.0	Khăng		
36	168222117	NGUYỄN VĂN	TIỀN	T16XDC	3			2		4			3	0.0	Khăng		
37	168222119	NGUYỄN QUANG	TRUNG	T16XDC	8			2		5			4	4.5	Bấ ứ phá ỷ Nằ		
38	168222121	NGUYỄN TÂN	TRƯỜNG	T16XDC	7			6		6.8			3.5	0.0	Khăng		
39	168222122	TRẦN Đ?NH	TRƯỜNG	T16XDC	8			4		6.5			3	0.0	Khăng		
40	168222123	ĐOÀN Đ?NH	TỨ	T16XDC	8			5.5		6.5			5	5.8	Nằ phá ỷ Tẩ		

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15			15		15			55	100			
41	168222124	MAI PHƯỚC	TỰ	T16XDC	8			3		6.3			5	5.3	Nằm pháy Ba		
42	168222126	NGUYỄN VĂN	TUÂN	T16XDC	8			4		7.5			2	0.0	Khăng		
43	168222127	TRẦN TRỌNG	TUỜNG	T16XDC	8			2		4.5			HP	0.0	Khăng		
44	168222128	HỒ PHƯỚC	VIỆT	T16XDC	8			2		5.5			4.5	4.8	Bấu pháy Tám		
45	168222131	LÊ CÔNG	VŨ	T16XDC	8			2		4.5			4	4.4	Bấu pháy Bấu		
46	168222132	NGUYỄN QUỐC	VUỜNG	T16XDC	9			6.5		4			2	0.0	Khăng		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	25	54%	
2	Số sinh viên nợ	21	46%	
TỔNG CỘNG :		46	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(k? và ghi r? họ tên)

L?NH ĐẠO KHOA
(k? và ghi r? họ tên)

Đà Nẵng, ngày 04 tháng 12 năm 2012
PH?NG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(k? và ghi r? họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trần Quốc Bảo

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú